TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẦN VĂN THỜI** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 176/2019/HNGĐ-ST
Ngày 09 tháng 7 năm 2019
V/v: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Chí Công

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Huỳnh Hưỡng; Bà Nguyễn Kim Lên

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Cẩm Hường - Thư ký Tòa án, Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Ngày 09 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 433/2019/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 6 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 125/2019/QĐXX-ST ngày 03 tháng 7 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1991.
Địa chỉ: Ấp 2, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau

- Bị đơn: Chị Trần Thị N, sinh năm 1990.
Địa chỉ: Ấp 1, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau
(*Nguyên đơn xin vắng mặt, bị đơn vắng mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 26/6/2019, nguyên đơn anh Nguyễn Văn T trình bày:

- *Về hôn nhân*: Anh và chị Trần Thị N chung sống với nhau từ năm 2011; có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Khánh Bình Tây Bắc, huyện Trần văn Thời, tỉnh Cà Mau (*Giấy chứng nhận kết hôn số 241, ngày 29/12/2011*), hôn nhân tự nguyện. Nguyên nhân dẫn đến ly hôn là trong thời gian chung sống lúc đầu sống rất hạnh phúc, do điều kiện kinh tế gia đình khó khăn, anh đi làm nghề biển nên thường xuyên vắng nhà, chị N sống chung với gia đình của anh. Anh và chị ở với nhau được khoảng 06 tháng. Đến ngày 08/4/2012, chị N tự ý bỏ nhà đi đến nay không trở về. Sau đó anh có yêu cầu Tòa án tuyên bố mất tích đối với chị Trần Thị N. Tại Quyết định số 02/2019/QĐST-HNGĐ ngày 03/6/2019 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời tuyên bố chị Trần Thị N mất tích. Nay anh yêu cầu được ly hôn với chị N.

- *Về con chung*: Trong thời gian chung sống anh T xác định không có con chung.

- *Về tài sản chung,nợ chung*: Anh T xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đồng thời anh yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt, do điều kiện đi lại khó khăn; anh vẫn bảo lưu ý kiến đã trình bày trong đơn khởi kiện, mong Tòa án xem xét giải quyết.

Bị đơn chị Trần Thị N: Tòa án đã tuyên bố mất tích theo Quyết định số 02/2019/QĐST-HNGĐ ngày 03/6/2019 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau. Đến thời điểm xét xử chị Trần Thị N vẫn vắng mặt tại tòa; không có văn bản nêu ý kiến gửi đến Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thẩm quyền của tòa án*: Bị đơn chị Trần Thị N có nơi trú cuối cùng tại ấp 1, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp*: Anh Nguyễn Văn T khởi kiện yêu cầu ly hôn đối với chị Trần Thị N. Vì vậy, quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án được xác định là "Ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; anh T là người khởi kiện nên xác định tư cách đương sự anh T là nguyên đơn, chị N là bị đơn được quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 68 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] *Về thủ tục tố tụng*: Anh T có yêu cầu xét xử vắng mặt; chị N vắng mặt; Căn cứ theo khoản 1, khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[4] *Về quan hệ hôn nhân*: Anh T và chị N không còn tình cảm thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc giúp đỡ nhau, anh chị đã vi phạm nghĩa vụ sống chung của vợ chồng được quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, anh và chị N đã ly thân hơn 06 năm nay; Căn cứ Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh T, cho anh T được ly hôn với chị N.

[5] *Về con chung, Về tài sản chung và nợ*: Anh T xác định không có; nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[6] *Về án phí:* Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc anh T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 và khoản 3 Điều 68; khoản 4 Điều 147; khoản 1, khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 238; Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 9; Điều 51; Điều 53; Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

***Tuyên xử*:**

1.Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn T về việc ly hôn với chị Trần Thị N.

Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Nguyễn Văn T với chị Trần Thị N.

2. Về án phí: Anh Nguyễn Văn T phải nộp số tiền 300.000 đồng; ngày 27/6/2019 anh T đã dự nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0003336 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, nay được chuyển thu án phí.

3. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân H. Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS H. Trần Văn Thời;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Lê Chí Công